

MỐI LIÊN HỆ GIỮA ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI, CẢM XÚC BỐI RỐI VÀ TỰ ĐỊNH HƯỚNG CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM VÀ BA LAN X

TS. Nguyễn Văn Lược

Phó Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Joanna Rozycka-Tran

Viện Tâm lý học, Trường Đại học Gdansk, Ba Lan.

Trần Hà Thu

Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

TÓM TẮT

Bài báo phản ánh kết quả khảo sát 120 sinh viên Việt Nam và 99 sinh viên Ba Lan, độ tuổi từ 18 - 32 về mối liên hệ giữa định hướng xã hội, cảm xúc bối rối và tự định hướng của họ. Thời gian thu thập dữ liệu vào tháng 1/2014. Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là điều tra bằng bảng hỏi. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt về mức độ biểu hiện cảm xúc bối rối giữa sinh viên nam và sinh viên nữ; sinh viên Việt Nam biểu hiện định hướng xã hội theo chiều ngang và công đồng theo chiều dọc cao hơn so với sinh viên Ba Lan; sinh viên nam biểu hiện cao hơn so với sinh viên nữ. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy chưa có đủ cơ sở để kết luận kiểu định hướng xã hội, tự định hướng của sinh viên có ảnh hưởng tới mức độ biểu hiện cảm xúc bối rối ở họ.

Từ khóa: Định hướng xã hội; Cảm xúc bối rối; Tự định hướng; Sinh viên.

Ngày nhận bài: 21/10/2014; Ngày duyệt đăng bài: 25/12/2014.

1. Đặt vấn đề

Có nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng có mối liên hệ giữa cái Tôi (độc lập/phụ thuộc) với biểu hiện cảm xúc bối rối. Cái tôi phụ thuộc (trong nền văn hóa phương Đông) có xu hướng dễ bị cảm xúc bối rối hơn so với cái tôi độc lập/tự chủ (trong nền văn hóa phương Tây). Những cá nhân có cái tôi phụ thuộc đối phó với các tình huống căng thẳng, khó xử khác so với những cá nhân có cái tôi độc lập (Tarr, Kim, Sharkey). Định hướng văn hóa theo hướng độc lập hay phụ thuộc có ảnh hưởng tới cảm xúc bối rối (Miller, 1999; Kaiser) [3, 6].

1.1. Định hướng xã hội của cá nhân là cách thức mỗi cá nhân nhìn nhận vai trò của mình trong xã hội và tác động của tập thể/tổ chức đối với mỗi người. Theo Triandis (1995), có 2 loại định hướng xã hội là cộng đồng và cá nhân, theo chiều ngang hoặc chiều dọc [4, 5].

- **Cộng đồng theo chiều dọc (Vertical Collectivism-VC)**: cá nhân nhìn nhận bản thân như một phần của tập thể và sẵn sàng chấp nhận hệ thống phân cấp và bất bình đẳng trong tập thể.

- **Cộng đồng theo chiều ngang (Horizontal Collectivism-HC)**: cá nhân nhìn nhận bản thân như một phần của tập thể nhưng cảm nhận tất cả các thành viên của tập thể là bình đẳng.

- **Cá nhân theo chiều dọc (Vertical Individualism-VI)**: cá nhân nhìn nhận bản thân như là một cá nhân hoàn toàn tự chủ, nhưng thừa nhận rằng sự bất bình đẳng sẽ tồn tại giữa các cá nhân và chấp nhận sự bất bình đẳng này.

- **Cá nhân theo chiều ngang (Horizontal Individualism-HI)**: cá nhân nhìn nhận bản thân như là một chủ thể hoàn toàn tự chủ và tin tưởng rằng giữa các cá nhân hoàn toàn bình đẳng với nhau.

1.2. Cảm xúc bối rối thường liên quan đến tự ý thức, sự lúng túng, không thoải mái trong những bối cảnh và tình huống cụ thể. Cảm giác bối rối có thể liên quan đến chính mình hoặc cho người khác. Cùng là sự bối rối nhưng mức độ có thể khác nhau, sự bối rối nhẹ khác một cách đáng kể so với bối rối mạnh. Bối rối nhẹ liên quan đến tự ý thức rất nhẹ, một cảm giác lúng túng và lo lắng nhẹ hoặc không biết phải nói gì hay làm gì tiếp theo. Bối rối mạnh mẽ có thể cực kỳ khó chịu, xấu hổ, vụng về, lóng ngóng và thường chủ thể ý thức rất rõ ràng về nó. Đặc biệt, ở mức độ cao, bối rối thể hiện một cảm giác hoảng sợ vì không thể phản ứng một cách phù hợp với tình huống cụ thể và một mong muốn mạnh mẽ để thoát khỏi tình huống đó và/hoặc sự hiện diện của người khác (Sharkey, 1992) [2, 6].

1.3. Tự định hướng, theo Ryan and Deci (1985) có 3 kiểu/dạng thức tự định hướng: Định hướng tự chủ; Định hướng kiểm soát và Định hướng khách quan [1]:

- **Định hướng tự chủ (Autonomy Orientation-AO)** đánh giá mức độ mà một người đang hướng đến các khía cạnh liên quan đến động cơ trong, các thử thách. Một người có định hướng tự chủ cao có xu hướng tự khởi xướng các hoạt động cho bản thân, chủ động tìm kiếm các niềm vui, thử thách trong cuộc sống và có trách nhiệm cao với hành vi của họ.

- **Định hướng kiểm soát (Controlled Orientation-CO)** đánh giá mức độ mà một người đang hướng tới được kiểm soát bởi phần thưởng, thời hạn, nguyên tắc và những chỉ thị của người khác. Một người định hướng kiểm soát

cao có thể sẽ phụ thuộc vào phần thưởng hoặc những điều khiển khác và có thể thỏa hiệp với những gì người khác yêu cầu hơn là những gì họ thực sự mong muốn cho mình.

- *Định hướng khách quan* (Impersonal Orientation Orientation-IO) đánh giá mức độ mà một người tin rằng đạt được kết quả mong muốn là ngoài tầm kiểm soát của mình và thành tích có được phần lớn là do may mắn hoặc do số phận. Người có khuynh hướng này cao có thể sẽ lo lắng và cảm thấy không hiệu quả. Họ không có ý niệm về việc có thể ảnh hưởng đến kết quả hay đối phó với các nhu cầu hay sự thay đổi. Họ có xu hướng bị mất động lực và muốn mọi thứ trở nên bình thường như trước đó vẫn vậy.

Sự khác biệt văn hóa đã qui định nhiều cách thức hành vi, ứng xử, thái độ của con người. Ba Lan và Việt Nam là hai quốc gia có nền văn hóa khác nhau, một nước ở phương Tây - nơi đề cao tính cá nhân, một nước ở phương Đông - nơi đề cao tinh thần cộng đồng, dân tộc. Câu hỏi đặt ra là (1) Sinh viên Việt Nam và sinh viên Ba Lan định hướng xã hội theo chiều hướng nào mạnh mẽ hơn, cộng đồng hay cá nhân? (2) Phải chăng những sinh viên định hướng cá nhân ít gặp cảm xúc bối rối hơn những sinh viên định hướng xã hội theo hướng cộng đồng? (3) Và khả năng tự định hướng giữa sinh viên Việt Nam và Ba Lan, giữa sinh viên nam và sinh viên nữ có khác nhau không?

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu

Đây là một nghiên cứu định lượng theo lát cắt ngang. Mẫu nghiên cứu gồm 219 sinh viên của Việt Nam và Ba Lan (120 sinh viên Việt Nam, 99 sinh viên Ba Lan), trong độ tuổi từ 18 - 32, trong đó có 109 sinh viên nữ, 110 sinh viên nam.

2.2. Thu thập dữ liệu

Chúng tôi đã sử dụng 3 thang đo để đo 3 vấn đề: định hướng xã hội (tính cộng đồng/tính cá nhân); Cảm xúc bối rối và Tự định hướng của sinh viên. Cụ thể:

- Thang đo định hướng xã hội (Social Orientation Scale, Triandis, 1995) gồm 32 items, được chia thành 4 tiểu thang đo {3, 4}:

+ Tính cá nhân theo chiều ngang (HI) gồm 8 items, có độ tin cậy (Cronbach's Alpha) = 0,518.

+ Tính cộng đồng theo chiều ngang (HC) gồm 8 items, Cronbach's Alpha = 0,719.

+ Tính cộng đồng theo chiều dọc (VC) gồm 8 items, Cronbach's Alpha = 0,569.

+ Tính cá nhân theo chiều ngang (VI) gồm 8 items, Cronbach's Alpha = 0,582.

- Thang đo cảm xúc bối rối (Modiglian's Embarrassability scale, 1968) gồm 26 items, Cronbach's Alpha = 0,779 [2].

- Thang đo tự định hướng (Autonomy Orientation, Ryan and Deci, 1985) gồm 17 tình huống, mỗi tình huống có 3 phương án trả lời. Thang đo này được chia thành 3 tiểu thang đo về 3 khía cạnh của tự định hướng [1]:

+ Định hướng tự chủ (Autonomy Orientation-AO), gồm 17 items, Cronbach's Alpha = 0,651.

+ Định hướng kiểm soát (Controlled Orientation-CO), gồm 17 items, Cronbach's Alpha = 0,626.

+ Định hướng liên hệ (Impersonal Orientation Orientation-IO), gồm 17 items, Cronbach's Alpha = 0,692.

Mỗi khách thể nghiên cứu trả lời 1 bảng hỏi riêng biệt. Tất cả các bảng hỏi được kiểm tra để đảm bảo nội dung thông tin được trả lời đầy đủ trước khi đưa vào xử lý bằng phần mềm SPSS 16.0.

Thời gian cho việc trả lời bảng hỏi khoảng 30 phút. Các cá nhân tham gia vào nghiên cứu có thể dừng việc trả lời nếu họ không muốn tiếp tục.

2.3. Tiêu chí đánh giá

- Thang đo định hướng xã hội có 32 items được chia làm 4 thang đo nhỏ (mỗi thang gồm 8 items), được cho điểm từ 1 tới 9, trong đó 1 là rất không đồng ý và 9 là rất đồng ý. Tổng điểm của mỗi thang đo thấp nhất là 8, cao nhất là 72. Cụ thể như sau:

Định hướng xã hội	Các thang đo			
	HI	HC	VC	VI
Thấp	< 42,9	< 44,0	< 38,1	< 31,8
Trung bình	42,9 - 62,7	44,0 - 63,2	38,1 - 59,1	31,8 - 58,2
Cao	> 62,7	> 63,2	> 59,1	> 58,2
Mean; SD	52,8; 9,9	53,6; 9,6	48,6; 10,5	45,0; 13,2

- Thang đo cảm xúc bối rối gồm 26 items, được cho điểm các item từ 1 đến 5, điểm thấp nhất là 1, cao nhất là 5. Tổng điểm của thang đo thấp nhất là 26 và cao nhất là 130. Sau khi tính toán, điểm của thang đo được tính như sau:

Cảm xúc bối rối	Điểm trung bình	Tính chất
Thấp	< 55,5	Cảm xúc bối rối thấp
Trung bình	55,5 - 89,3	Cảm xúc bối rối trung bình
Cao	> 89,3	Cảm xúc bối rối cao
Mean; SD	72,4; 16,9	

- *Thang đo tự định hướng* gồm 17 tình huống, mỗi tình huống có 3 phương án trả lời tương đương với 3 kiểu tự định hướng, được cho điểm từ 1 tới 7, trong đó điểm thấp nhất là 1, cao nhất là 7. Tổng cộng điểm của mỗi thang đo thấp nhất là 17, cao nhất là 119. Sau khi tính toán, điểm của từng thang đo được tính như sau:

Tự định hướng	Các thang đo		
	AO	CO	IO
Thấp	< 42,9	< 44,0	< 38,1
Trung bình	42,9 - 62,7	44,0 - 63,2	38,1 - 59,1
Cao	> 62,7	> 63,2	> 59,1
Mean; SD	52,8; 9,9	53,6; 9,6	48,6; 10,5

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Mối liên hệ giữa định hướng xã hội và cảm xúc bối rối của sinh viên

a. Định hướng xã hội của sinh viên

Câu hỏi đặt ra là định hướng xã hội của sinh viên Việt Nam và Ba Lan như thế nào? Họ hướng đến tính cộng đồng hay tính cá nhân? Và liệu rằng có sự khác biệt về định hướng xã hội giữa sinh viên hai nước, giữa sinh viên nam và sinh viên nữ. Kết quả nghiên cứu được thể hiện ở bảng số liệu sau đây.

Bảng 1: Định hướng xã hội của sinh viên Việt Nam và Ba Lan

Định hướng xã hội	Tiêu chí	ĐTB	Độ lệch chuẩn	Mức ý nghĩa
Cá nhân theo chiều ngang (HI)	Việt Nam	51,2	9,6	0,01*
	Ba Lan	54,6	9,9	

	Nam	54,3	8,4	0,02*
	Nữ	51,3	10,9	
	Tổng	52,8	9,9	n = 216
Cộng đồng theo chiều ngang (HC)	Việt Nam	54,5	9,4	0,14
	Ba Lan	52,6	9,9	
	Nam	54,0	10,6	0,55
	Nữ	53,2	8,7	
	Tổng	53,6	9,6	n = 209
Cá nhân theo chiều dọc (VI)	Việt Nam	45,9	10,0	0,90
	Ba Lan	43,8	16,1	
	Nam	46,9	14,9	0,24
	Nữ	43,1	11,0	
	Tổng	48,6	10,5	n = 218
Cộng đồng theo chiều dọc (VC)	Việt Nam	53,1	8,8	0,00***
	Ba Lan	43,2	9,9	
	Nam	48,7	10,2	0,03*
	Nữ	48,5	10,9	
	Tổng	45,0	13,2	n = 218

Ghi chú: * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$.

Từ các số liệu ở bảng 1, chúng tôi rút ra một số nhận xét sau đây:

(1) Nhìn chung, cả 4 dạng định hướng xã hội (cộng đồng và cá nhân theo chiều dọc hoặc chiều ngang) của sinh viên đều ở mức trung bình.

(2) Định hướng cá nhân theo chiều ngang (HI) biểu hiện ở sinh viên Ba Lan cao hơn (ĐTB = 54,6) so với sinh viên Việt Nam (ĐTB = 51,2) và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p = 0,01$). Điều này cho thấy, sinh viên Ba Lan đánh giá mỗi cá nhân họ là một chủ thể tích cực, chủ động và các cá nhân bình đẳng với nhau rõ nét hơn so với sinh viên Việt Nam. Các biểu hiện cụ thể cho thấy sinh viên Ba Lan thể hiện bản thân rõ hơn sinh viên Việt Nam như: “Tôi thích được nói chuyện trực tiếp và thẳng thắn với mọi người” ($p = 0,01$); “Những gì xảy ra với tôi là việc của riêng tôi” ($p = 0,05$); “Tôi là một cá nhân độc đáo và duy nhất” ($p = 0,00$)...

(3) Định hướng cá nhân theo chiều ngang (HI) ở sinh viên nam biểu hiện rõ hơn sinh viên nữ (ĐTB = 54,3 so với 51,3) và sự khác biệt này có ý nghĩa về mặt thống kê ($p < 0,05$). Sinh viên nam cũng đánh giá bản thân họ là những người chủ động và xem xét các cá nhân trong cộng đồng bình đẳng hơn so với sinh viên nữ, đặc biệt là các biểu hiện như: “Tôi thường làm những việc của riêng tôi” ($p = 0,00$); “Những gì xảy ra với tôi là việc của riêng tôi” ($p = 0,05$).

(4) Định hướng cộng đồng theo chiều dọc (VC) biểu hiện ở sinh viên Việt Nam (ĐTB = 53,1) cao hơn so với sinh viên Ba Lan (ĐTB = 43,2); Nhóm sinh viên nam (ĐTB = 48,7) biểu hiện kiểu định hướng này cao hơn so với sinh viên nữ (ĐTB = 48,5) và sự khác biệt giữa các nhóm này là có ý nghĩa về mặt thống kê ($p < 0,05$). Các số liệu này cho thấy, sinh viên Việt Nam nhìn nhận bản thân họ như một phần của tập thể, sẵn sàng chấp nhận hệ thống phân cấp và bất bình đẳng trong tập thể. Các biểu hiện cụ thể cho thấy sinh viên Việt Nam coi mình là một phần của tập thể và sẵn sàng chấp nhận sự phân cấp, bất bình đẳng trong tập thể cụ thể như: “Tôi thường hy sinh lợi ích cá nhân của tôi vì lợi ích của nhóm” ($p = 0,00$); “Tôi sẽ hy sinh một hoạt động mà tôi yêu thích nếu gia đình tôi không ủng hộ” ($p = 0,00$); “Tôi ghét phải có ý kiến bất đồng với những người khác trong nhóm của tôi” ($p = 0,00$)...

(5) Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về định hướng cá nhân theo chiều dọc (VI) và định hướng cộng đồng theo chiều ngang (HC) giữa nhóm sinh viên Việt Nam và sinh viên Ba Lan cũng như giữa nhóm sinh viên nam và nữ.

b. Cảm xúc bối rối của sinh viên

Cảm xúc bối rối của sinh viên liên quan đến cảm giác không thoải mái, không tự chủ trong các tình huống cụ thể như: phải trình bày một điều gì đó trước lớp; không may bị người khác làm đổ đĩa thức ăn vào người khi đi dự tiệc; vào nhầm nhà vệ sinh; nhìn thấy người khác không kéo khóa quần v.v...

Bảng 2: Cảm xúc bối rối ở sinh viên Việt Nam và Ba Lan ($n = 203$)

Cảm xúc bối rối	Tiêu chí so sánh	Mean	SD	p
	Việt Nam	70,6	16,2	0,12
	Ba Lan	74,2	17,4	
	Nam	67,2	16,1	0,00***
	Nữ	77,3	16,1	
	Tổng	72,4	16,9	

Ghi chú: * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$.

Câu hỏi đặt ra là cảm giác bối rối của sinh viên Ba Lan và sinh viên Việt Nam như thế nào? Phải chăng sinh viên Việt Nam sống trong nền văn hóa phương Đông thì cảm xúc bối rối cao hơn so với sinh viên Ba Lan sống trong nền văn hóa phương Tây? Sinh viên nam và sinh viên nữ thì cảm xúc bối rối có khác nhau ở các nhóm không?

Số liệu nghiên cứu ở bảng 2 cho thấy:

(1) Cảm xúc bối rối biểu hiện ở nhóm sinh viên trong diện khảo sát ở mức trung bình ($\bar{X}$ = 72,4; SD = 16,9).

(2) Nhóm sinh viên nữ biểu hiện cảm xúc bối rối cao hơn so với nhóm sinh viên nam ($\bar{X}$ = 77,3 so với 67,2) ở 25/tổng số 26 tình huống mà nhóm nghiên cứu đưa ra và sự khác biệt này có ý nghĩa về mặt thống kê ($p = 0,00$). Đặc biệt, sinh viên nữ cảm thấy bối rối hơn so với sinh viên nam ở các tình huống/bối cảnh cụ thể như: “*Gặp một người say rượu trên phố hỏi về một điều gì đó*” ($p = 0,00$); “*Bước vào phòng tắm của nhà người khác và thấy một người khác giới ở đó*” ($p = 0,05$); “*Tưởng lớp học không có ai, bật đèn lên và ngạc nhiên thấy một đôi đang âu yếm nhau*” ($p = 0,00$)... Theo chúng tôi, sở dĩ có sự khác biệt giữa sinh viên nam và sinh viên nữ như vậy là do quá trình xã hội hóa vai trò giới khác nhau. Kể cả ở Việt Nam hay Ba Lan nữ giới vẫn thường được coi là phái yếu, họ thường được bao bọc hơn so với nam giới và ít phải đối mặt với những tình huống “bất trắc”, “không bình thường” nên họ thường cảm thấy bối rối hơn so với sinh viên nam. Trong khi đó, sinh viên nam thường được giáo dục khả năng chịu đựng, đối diện với các tình huống bất ngờ, khó đoán định hơn so với nữ.

(3) Các số liệu ở bảng 2 cũng chỉ ra rằng không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ biểu hiện cảm xúc bối rối giữa sinh viên Việt Nam và Ba Lan ở mẫu nghiên cứu này. Chúng tôi khá bất ngờ về kết quả này. Có nhiều yếu tố dẫn đến kết quả này mà một trong những yếu tố theo chúng tôi đó là việc mẫu của nghiên cứu này còn nhỏ và chưa đại diện cho 2 nhóm sinh viên Việt Nam và Ba Lan.

c. Mối liên hệ giữa định hướng xã hội và cảm xúc bối rối của sinh viên Việt Nam và Ba Lan

Câu hỏi đặt ra là, phải chăng những người định hướng xã hội theo kiểu cá nhân thường ít cảm xúc bối rối hơn những sinh viên có định hướng xã hội theo kiểu cộng đồng. Kết quả nghiên cứu được thể hiện ở bảng số liệu 3.

Các số liệu nghiên cứu ở bảng 3 chỉ ra rằng không có đủ cơ sở kết luận rằng kiểu định hướng xã hội có ảnh hưởng đến cảm xúc của sinh viên. Điều này có nghĩa là, trong mẫu nghiên cứu này, chưa đủ cơ sở để kết luận rằng những sinh viên có định hướng cá nhân thường ít có cảm xúc bối rối hơn so với những sinh viên có định hướng cộng đồng.

Bảng 3: Mối liên hệ giữa định hướng xã hội và cảm xúc bối rối của sinh viên

Kiểu định hướng		Cảm xúc bối rối			Tổng SL (%)
		Thấp SL (%)	Trung bình SL (%)	Cao SL (%)	
HI ($p^* = 0,53$)	Thấp	3 (11,5)	21 (80,8)	2 (7,7)	26 (13,0)
	Trung bình	23 (15,4)	104 (69,8)	22 (14,8)	149 (74,5)
	Cao	6 (24,0)	17 (68,0)	2 (8,0)	25 (12,5)
	Tổng	32 (16,0)	142 (71,0)	26 (13,0)	200 (100)
HC ($p = 0,21$)	Thấp	3 (11,5)	19 (73,1)	4 (15,4)	26 (13,3)
	Trung bình	20 (13,9)	105 (72,9)	19 (13,2)	144 (73,8)
	Cao	8 (32,0)	14 (56,0)	3 (12,0)	25 (12,8)
	Tổng	31 (15,9)	138 (70,8)	26 (13,3)	195 (100)
VI ($p = 0,47$)	Thấp	3 (13,0)	19 (82,6)	1 (4,3)	23 (11,6)
	Trung bình	27 (16,9)	110 (68,8)	23 (14,4)	160 (80,8)
	Cao	1 (6,7)	11 (73,3)	3 (20,0)	15 (7,6)
	Tổng	31 (15,7)	140 (70,7)	27 (13,6)	198 (100)
VC ($p = 0,13$)	Thấp	8 (23,5)	22 (64,7)	4 (11,8)	34 (16,8)
	Trung bình	17 (12,1)	103 (73,0)	21 (14,9)	141 (69,8)
	Cao	8 (29,6)	17 (63,0)	2 (7,4)	27 (13,4)
	Tổng	33 (16,3)	142 (70,3)	27 (13,4)	202 (100)

Giải thích: *: Mức ý nghĩa khi sử dụng kiểm định Chi-Square Tests.

3.2. Mối liên hệ giữa tự định hướng và cảm xúc bối rối ở sinh viên

a. Tự định hướng của sinh viên Việt Nam và Ba Lan

Bảng 4: Tự định hướng của sinh viên Việt Nam và Ba Lan

Tự định hướng	Tiêu chí	Mean	SD	p (n)
Tự chủ (AO)	Việt Nam	92,0	13,8	0,07
	Ba Lan	93,5	15,5	
	Nam	90,8	12,4	0,47
	Nữ	94,4	16,29	
	Tổng	92,7	14,6	n = 204

Kiểm soát (CO)	Việt Nam	67,9	13,3	0,91
	Ba Lan	68,1	15,8	
	Nam	90,8	12,4	0,20
	Nữ	94,4	16,2	
	Tổng	68,0	14,5	n = 200
Liên hệ (IO)	Việt Nam	61,3	14,9	0,34
	Ba Lan	59,4	13,6	
	Nam	59,1	13,8	0,22
	Nữ	61,5	14,6	
	Tổng	60,4	14,3	n = 203

ĐTB của thang đo thấp nhất là 17, cao nhất là 119.

Các số liệu ở bảng 4 cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về các kiểu tự định hướng tự chủ (AO), kiểm soát (CO) và liên hệ (IO) giữa sinh viên Việt Nam và sinh viên Ba Lan; giữa sinh viên nam và sinh viên nữ. Theo chúng tôi, có nhiều lý do khác nhau dẫn đến kết quả trên mà một trong những lý do đó là cỡ mẫu trong nghiên cứu này quá nhỏ và chưa thể đại diện hết cho sinh viên Việt Nam và Ba Lan.

b. Môi liên hệ giữa tự định hướng và cảm xúc bối rối của sinh viên

Bảng 5: Môi liên hệ giữa tự định hướng và cảm xúc bối rối của sinh viên

Các kiểu tự định hướng		Cảm xúc bối rối			Tổng SL (%)
		Thấp SL (%)	Trung bình SL (%)	Cao SL (%)	
AO ($p^* = 0,76$)	Thấp	0 (0)	1 (100)	0 (0)	1 (5)
	Trung bình	0 (0)	2 (66,7)	1 (33,3)	3 (1,6)
	Cao	31 (16,7)	130 (69,9)	25 (13,4)	186 (97,9)
	Tổng	31 (16,3)	133 (70)	26 (13,7)	190 (100)
CO ($p = 0,77$)	Thấp	2 (20,0)	6 (60,0)	2 (20,0)	10 (5,3)
	Trung bình	10 (16,4)	45 (73,8)	6 (9,8)	61 (32,6)
	Cao	18 (5,3)	79 (68,1)	19 (16,4)	116 (62,0)
	Tổng	30 (16,0)	130 (69,5)	27 (14,4)	187 (100)

IO (p = 0,06)	Thấp	4 (33,3)	7 (58,3)	1 (8,3)	12 (6,2)
	Trung bình	18 (22,2)	55 (67,9)	8 (9,9)	81 (42,2)
	Cao	10 (10,1)	71 (71,7)	18 (18,2)	99 (51,6)
	Tổng	32 (16,7)	133 (69,3)	27 (14,1)	192 (100)

Ghi chú: * Mức ý nghĩa khi sử dụng kiểm định Chi-Square Tests.

Liệu rằng giữa tự định hướng theo kiểu tự chủ, kiểm soát và khách quan của sinh viên và cảm xúc bối rối của họ có mối liên quan nào hay không? Phải chăng những sinh viên có kiểu tự định hướng tự chủ thì mức độ biểu hiện cảm xúc bối rối thấp hơn so với sinh viên có kiểu tự định hướng theo kiểu kiểm soát? Kết quả nghiên cứu được thể hiện ở bảng số liệu 5.

Các số liệu nghiên cứu ở bảng 5 cho thấy, trong mẫu nghiên cứu này, chưa có đủ cơ sở để kết luận rằng những sinh viên có định hướng tự chủ thì ít cảm xúc bối rối hơn những sinh viên có định hướng kiểm soát.

4. Kết luận

1. Định hướng xã hội theo kiểu cá nhân theo chiều ngang (HI) của sinh viên Ba Lan biểu hiện rõ hơn so với sinh viên Việt Nam, cộng đồng theo chiều dọc (VC) của sinh viên Việt Nam biểu hiện rõ hơn so với sinh viên Ba Lan; sinh viên nam biểu hiện rõ hơn so với sinh viên nữ. Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về định hướng cá nhân theo chiều dọc (VI) và định hướng cộng đồng theo chiều ngang (HC) giữa nhóm sinh viên Việt Nam và sinh viên Ba Lan cũng như giữa nhóm sinh viên nam và nữ.

2. Trong nghiên cứu này, sinh viên nữ biểu hiện cảm xúc bối rối cao hơn so với sinh viên nam. Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ biểu hiện cảm xúc bối rối giữa sinh viên Việt Nam và Ba Lan. Điều này cho thấy, ngày nay trong điều kiện toàn cầu hóa, yếu tố văn hóa đã giảm bớt vai trò của nó trong việc góp phần tạo ra sự khác biệt cá nhân [6]. Ở cả hai nước, Ba Lan và Việt Nam, sinh viên nữ có biểu hiện cảm xúc bối rối hơn so với sinh viên nam mà không phụ thuộc vào nền văn hóa mang tính tập thể hay cá nhân. Sinh viên Việt Nam (có thể là do tác động của mạng xã hội) đã trở lên cá nhân/độc lập hơn. Đó là lý do tại sao sự khác biệt văn hóa không còn nữa, chỉ có sự khác biệt về giới tính là vẫn còn nhận thấy. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, kiểu định hướng xã hội của sinh viên (theo cá nhân hay cộng đồng, chiều ngang hay chiều dọc) không ảnh hưởng đến cảm xúc bối rối của họ.

3. Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về các kiểu tự định hướng tự chủ (AO), kiểm soát (CO) và liên hệ (IO) giữa sinh viên Việt Nam và sinh viên Ba Lan; giữa sinh viên nam và sinh viên nữ và cũng không đủ cơ sở để

khẳng định rằng những sinh viên có kiểu tự định hướng tự chủ cao ít gặp cảm xúc bối rối hơn so với những sinh viên có kiểu định hướng tự chủ thấp.

Lời cảm ơn

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các thầy/cô giáo Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; các bạn sinh viên Việt Nam và Ba Lan đã giúp đỡ chúng tôi thực hiện nghiên cứu này.

Tài liệu tham khảo

1. Edward L. Deci and Richard M. Ryan, *The General Causality Orientations Scales: Self-Determination in Personality*, Journal of Research in Personality, 19, p. 109 - 134, 1985.
2. Modigliani A., *Embarrassment and Embarrassability*, Sociometry, 31, p. 313 - 326, 1968.
3. Singelis T.M., Triandis H.C., Bhawuk D.P.S. & Gelfand M.J., *Horizontal and vertical dimensions of individualism and collectivism: A theoretical and measurement refinement*, Cross-Cultural Research, 29, p. 240 - 275, 1995.
4. Triandis H.C. & Gelfand M.J., *Coverging measurement of horizontal and Vertical Individualism and Collectivism*, Journal of Personality and Social Psychology, 74, p. 118 - 128, 1998.
5. Triandis H.C., *Individualism - collectivism and personality*, Journal of Personality, 69, p. 907 - 924, 2001.
6. Rowland S. Miller, *On the Nature of Embarrassability: Shyness, Social evaluation, and Social Skill*, Journal of Personality 63:2, June, 1995, Copyright © 1995 by Duke University Press, 1995.